TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2023
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Ông Đặng Quang Hoạch
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1257/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: S, khu 4, ấp N, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(chị H, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2016. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh P không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn chơi, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thay đổi nên

vợ chồng sống riêng 02 năm nay, hôn nhân không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh.

Về con chung: Có hai con chung là Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 19/01/2017, Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 05/02/2020. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và tạm thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/12/2022, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Thanh P trình bày:

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh P vắng mặt nên không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh P, sinh năm: 1993, địa chỉ: S, khu 4, ấp N, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H.

Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng số 108 ngày 18/8/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh P với lý do anh P không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn chơi, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thay đổi nên vợ chồng sống riêng 02 năm nay; quá trình giải quyết vụ án chị Phương vẫn kiên quyết ly hôn và đề nghị không tiến hành hòa giải với anh P; mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh không muốn hàn gắn, hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 19/01/2017, Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 05/02/2020. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung và tạm thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét thấy chị H có công việc ổn định, các cháu ở với chị từ nhỏ, quá trình giải quyết vụ án anh P vắng mặt nên để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định nên giao hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* với anh Trần Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Khánh T, sinh ngày 19/01/2017 và cháu Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Phạm Thị H trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Trần Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002139 ngày 06/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Anh Trần Thanh P, chị Phạm Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương